

Bản án số: 152/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 7 – 2023

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Bửu TH

2. Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **275/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023** về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trà Văn L (Lũy), sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, phường Tân X, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Chị Lâm Thị H, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, phường Tân X, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Trà Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị Lâm Thị H tự nguyện tìm hiểu và thống nhất đi đến kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống gần đây đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Lâm Thị H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trà Thanh L2, sinh ngày 04/9/2001, con tên Trà Thị Cẩm L3, sinh ngày 20/8/2003. Hiện 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

** Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lâm Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh Trà Văn L kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã An Xuyên, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nay anh L xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trà Thanh L2, sinh ngày 04/9/2001, con tên Trà Thị Cẩm L3, sinh ngày 20/8/2003. Hiện 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trà Văn L và chị Lâm Thị H chung sống với nhau như vợ chồng **từ năm 2001**, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Chị H xác định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên nhưng chị không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn. Tại giấy Xác nhận tàng thư hộ tịch số 15/XN-UBND ngày 31/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã An Xuyên thể hiện không có hồ sơ đăng ký kết hôn của anh L và chị H. Quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa anh L cương quyết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy do anh L và chị H không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh L và chị H xác định quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Trà Thanh L2, sinh ngày 04/9/2001, con tên Trà Thị Cẩm L3, sinh ngày 20/8/2003. Hiện 02 con đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Xét thấy mặc dù quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H không được pháp luật công nhận, nhưng anh chị vẫn có quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, các con anh chị đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị H xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Trà Văn L và chị Lâm Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trà Thanh L2, sinh ngày 04/9/2001, con tên Trà Thị Cẩm L3, sinh ngày 20/8/2003. Hiện 02 con đã trưởng thành có khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Anh Trà Văn L phải chịu 300.000đ. Ngày 09/5/2023 anh L đã nộp tạm ứng 300.000đ tại lai số 0003337 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu ngân sách nhà nước.

Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã An Xuyên, Tp. Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên